

NGÀY THI: 07/07/2015

LẦN THI: 2

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP SINH HOẠT	LỚP MÔN HỌC	M QUÁ TRÌNH HỌC TẬP			ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Q	F	SỐ	CHỮ	
					15	30	55	100		
1	172227122	Ngô Đức An	K17XDC	CIE 414 H	6	5	3	0.0	Không	
2	172227101	Lê Phước Chung	K17XDC	CIE 414 H	8	6	5	5.8	Năm phẩy Tám	
1	142221326	Hoàng Văn Cường	K14XDC	CIE 414 D	5	4	4.5	4.4	Bốn phẩy Bốn	
4	171216247	Trần Minh Dương	K17XCD1	CIE 414 F	10	4.5	3	0.0	Không	
5	172227094	Nguyễn Văn Hanh	K17XDC	CIE 414 H	10	6.5	5	6.2	Sáu phẩy Hai	
6	171216254	Lê Hiền	K17XCD1	CIE 414 F	9	5	3	0.0	Không	
2	178223004	Lý Xuân Hiếu	T17XDC	CIE 414 D	4	4	3	0.0	Không	
8	172227103	Trần Đăng Hoàng	K17XDC	CIE 414 D	8	5	3	0.0	Không	
9	172217185	Ngô Mậu Việt Hùng	K17XDC	CIE 414 H	9	6	4	5.4	Năm phẩy Bốn	
3	162223386	Nguyễn Mạnh Hùng	K16XDC2	CIE 414 B	6	5	5	5.2	Năm phẩy Hai	
11	172227118	Trần Đăng Kiên	K17XDC	CIE 414 F	6	4	V	0.0	Không	
12	172227086	Lê Thanh Lâm	K17XDC	CIE 414 H	10	7	6	6.9	Sáu phẩy Chín	
4	162227671	Phạm Hòa Lộc	K16XDC2	CIE 414 B	4	4.5	4	4.2	Bốn phẩy Hai	
14	172227117	Hồ Sỹ Luân	K17XDC	CIE 414 H	10	6.5	V	0.0	Không	
15	172216547	Hà Tấn Phát	K17XDC	CIE 414 F	7.5	4.5	4.5	5.0	Năm	
16	171218838	Nguyễn Thọ Phú	K17XCD4	CIE 414 F	9	3.5	3	0.0	Không	
5	162223406	Phạm Văn Sơn	K16XDC1	CIE 414 B	4	3	3	0.0	Không	
6	162223413	Lê Văn Thuận	K16XDC1	CIE 414 D	6	4	5	4.9	Bốn phẩy Chín	
7	168222121	Nguyễn Tấn Trường	T16XDC	CIE 414 F	2.5	2.5	4.5	3.6	Ba phẩy Sáu	
8	132224765	Lê Văn Tuấn	K13XDC	CIE 414 B	4	3	4	3.7	Ba phẩy Bảy	
21	172227077	Võ Trần Thanh Tuấn	K17XDC	CIE 414 D	10	7.5	5	6.5	Sáu phẩy Năm	
22	172227104	Nguyễn Trường Việt	K17XDC	CIE 414 D	10	6.5	V	0.0	Không	
9	162223360	Nguyễn Tấn Bình	K16XDC1	CIE 414 D	6	4	4	4.3	Bốn phẩy Ba	
24	172227105	Phan Quốc Đại	K17XDC	CIE 414 H	9	6	4	5.4	Năm phẩy Bốn	

LẬP BẢNG

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 07 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

ThS. Nguyễn Ân